



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2009

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ-UB ngày 23/03/2007 của Nhà xuất bản Giáo dục (NXBGD). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006644 ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Vốn điều lệ là 80 tỷ đồng, Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2009: 80.000.000.000đ, trong đó tỷ lệ phần vốn Nhà nước (Nhà xuất bản Giáo dục) là 40%.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 458/QĐ-SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm;
- Thiết kế đồ họa, dịch thuật;
- Sản xuất mua bán: Thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ in ấn: đóng bì, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bì sách;
- Thiết kế tạo mẫu;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán), tư vấn du học;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);

Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

+ Tình hình hoạt động

Nhờ thương hiệu mạnh của NXBGD trong lĩnh vực giáo dục, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam đã có rất nhiều thuận lợi ngay từ những ngày đầu thành lập. Không chỉ được ưu tiên về vốn, nhân sự cũng như thị trường rộng lớn, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam còn kế thừa những kinh nghiệm quý báu của NXBGD về giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình kinh doanh cũng như quản lý.

Công ty ra đời và hoạt động theo cơ chế thị trường cạnh tranh lành mạnh tạo điều kiện môi trường làm việc tốt nhất cho đội ngũ cán bộ công nhân viên cạo xát, tự đào tạo và tự hoàn thiện các kỹ năng lao động, làm việc phù hợp với tình hình mới hiện nay, phù hợp với xu thế hội nhập, mở cửa của đất nước.

Là một trong 3 công ty được thành lập trên cả 3 miền Bắc, Trung, Nam nhằm góp phần giảm bớt áp lực về sách giáo khoa của NXBGD và tạo động lực làm tốt nội dung sách bổ trợ sách giáo khoa, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam được độc quyền phân phối mặt hàng sách bổ trợ sách giáo khoa trên địa bàn 26 tỉnh. Đây là một lợi thế rất lớn của Công ty.

Sản phẩm của Công ty chủ yếu là các mảng sách bổ trợ sách giáo khoa được sử dụng trong các trường học và được trang bị cho các thư viện trường học. Đây là sản phẩm thế mạnh của Công ty, sản lượng cung cấp chiếm khoảng 40% tổng sản lượng của toàn quốc và được độc quyền phân phối trên 26 tỉnh miền Nam. Ngoài ra, Công ty còn cung cấp các loại sách tham khảo phục vụ nhu cầu dạy, học của phụ huynh, học sinh và các sản phẩm lịch bloc với chất lượng và mẫu mã không ngừng được cải tiến qua từng năm, ngày càng được người tiêu thụ ưa chuộng.

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Tiếp tục xây dựng chiến lược về công tác phát hành (giữ vững số lượng phát hành sách bổ trợ, tăng tỉ lệ phát hành sách tham khảo, lịch bloc và các sản phẩm khác, giảm tỉ lệ tồn kho); mở rộng kênh phân phối.

Phối hợp tốt với các đơn vị thành viên NXBGD để thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị phục vụ năm học 2010 – 2011; khai thác các đề tài, các đầu sách có giá trị lâu dài nhằm tạo nguồn thu ổn định cho công ty.

Chú trọng việc bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động để nâng cao sức cạnh tranh trong cơ chế thị trường. Chăm lo tốt đời sống người lao động, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm làm việc và làm việc có hiệu quả tốt nhất.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tăng vốn điều lệ lên 160 tỉ đồng và quản lý sử dụng có hiệu quả.

Có kế hoạch đầu tư về cơ sở vật chất, tài sản cố định để mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh.

Tham gia đầu tư và các dự án bất động sản cùng với NXBGD ngay khi NXBGD triển khai như dự án 104 Mai Thị Lựu, Quận 1, 223 Nguyễn Tri Phương, Quận 5....

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Doanh thu	: 183,88 tỉ đồng
Lợi nhuận trước thuế	: 20,81 tỉ đồng
Lợi nhuận sau thuế	: 17,13 tỉ đồng
Cổ tức	: 17%

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Doanh thu	: 96% so với kế hoạch 2009
Lợi nhuận trước thuế	: 72% so với kế hoạch 2009
Cổ tức	: 94% so với kế hoạch 2009

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Giữ vững ổn định thị trường sách hỗ trợ. Chính lí và biên soạn mới sách hỗ trợ theo chỉ đạo chung của NXBGD.

Đầu tư khai thác các đề tài, đầu sách tham khảo mới; củng cố và phát triển mạng lưới đại lý để sách tham khảo và lịch bloc phát hành rộng rãi trên toàn quốc.

Mở rộng cơ sở vật chất, tham gia đầu tư vào các dự án bất động sản cùng với NXBGD.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Stt	Hệ số tài chính	Năm 2009
I	Chỉ tiêu khả năng thanh toán	
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,65
2	Hệ số thanh toán nhanh	0,08
II	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi	
1	Hệ số LNST / Doanh thu thuần	9,3%
2	Hệ số LNST / Vốn CSH	18,3%
3	Hệ số LNST / Tổng tài sản	8,9%

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009 :

Tổng tài sản : 193.051.398.883 đồng

Tài sản ngắn hạn : 159.671.131.681 đồng

Tài sản dài hạn : 33.380.267.202 đồng

Tổng nguồn vốn : 193.051.398.883 đồng

Nợ ngắn hạn : 96.905.004.115 đồng

Vốn chủ sở hữu : 96.146.394.768 đồng

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp : không

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại :

Cổ phiếu thường : 8.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi : không

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

Cổ phiếu thường : 8.000.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi : không

- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn : 17%

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

T T	CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU		NĂM 2009			SO VỚI CÙNG KÌ	
			Kế hoạch	Thực hiện (lũy kế đến 31/12)	Tỉ lệ / KH		
1.	Bản thảo (cuốn)	SBT, Vở BT, Tự chọn, S.khác	152	197	130%	115,8%	
		STK	Mới	189	186	98,4%	65,7%
			Tái bản	54	46	85%	77,9%
			Tổng cộng	395	429	108,6%	83,7%
2.	In và nhập kho(bản)	VBT,SBT, S.tự chọn	35.829.000	33.696.000	94%	87%	
		Sách T. khảo	2.577.000	4.020.000	156%	406%	
		Tổng cộng	38.416.000	37.716.000	98,1%		
		Lịch Bloc & Sổ tay	1.500.000	1.015.000	67,7%		
3.	Phát hành (bản)	VBT,SBT, ST.chọn	36.500.000	35.645.582	97,8%	94,8%	
		Sách T. khảo	2.500.000(*)	4.180.468	167,2%	278,3%	
		Tổng cộng	39.000.000	39.826.050	102%	100%	
		Lịch Bloc& Sổ tay	1.500.000	1.015.000	67,7%	84%	
4.	Tài chính (tỉ đồng)	Doanh thu	191	184	96%	99%	
		Lợi nhuận (trước thuế)	29	20,81	72%	78%	
5.	Lao động		80	80			

- Đề tài, bản thảo :

Ưu điểm :

- Số lượng thực hiện đề tài có giảm so với năm 2008, nhưng nội dung đề tài đã được điều chỉnh theo hướng phù hợp nhu cầu thị trường và hiệu quả kinh tế.
- Chủ động phối hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo trong khu vực xuất bản và phát hành nhiều bộ tài liệu phục vụ dạy và học, mở ra hướng mới, mang lại hiệu quả đáng kể về nguồn thu cho cty cũng như về mặt xã hội.

Tồn tại:

- So với năm 2008, số lượng đầu sách xuất bản chưa nhiều, sách theo cấp lớp vẫn chưa chiếm 1 tỉ lệ tương xứng với các sách khác(đặc biệt là sách mầm non)
- Tiến độ hoàn thành bản thảo và xuất bản một số tên sách phục vụ cho giai đoạn cao điểm phát hành còn chậm.

- Phát hành:

Ưu điểm :

- Công tác xây dựng kế hoạch phát hành năm 2009 của Công ty sát với nhu cầu của các địa phương.
- Tham gia tổ chức hiệu quả Tháng phát hành phục vụ năm học mới. Cung ứng kịp thời và đầy đủ SBT theo nhu cầu của các Công ty Sách- TBTH, không để tình trạng sót sách, thiếu sách, góp phần bình ổn thị trường, đặc biệt trong thời gian cao điểm phát hành. Tổ chức mua - bán sách cũ tại Cửa hàng 2A theo chỉ đạo của NXBGDVN.
- Chủ động phối hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo 9 tỉnh- thành, tổ chức tốt các lớp bồi dưỡng bộ sách Let's learn English và các bộ sách theo chủ đề, chủ điểm khác, đồng thời thông qua đó, Cty đã vận động các Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo sử dụng các bộ sách này trong năm học 2009-2010. Do vậy, lượng phát hành sách tự chọn tăng đáng kể so với cùng kì.
- Do không ngừng củng cố và phát triển mạng lưới đại lí, cửa hàng và chú trọng đến công tác tiếp thị, quảng cáo nên lượng phát hành sách tham khảo tăng so rõ rệt, đặc biệt là sách theo cấp lớp.
- Thường xuyên bám sát với thị trường, cập nhật thông tin, đặc biệt là thông tin thị trường lịch bloc để đề ra chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp cho từng thời điểm. Điểm khác với năm trước, năm nay bộ phận kinh doanh đã chủ động chào bán các loại lịch bloc

lớn đến các doanh nghiệp lớn có nhu cầu, bước đầu có hiệu quả đáng kể.

- Hoạt động kinh doanh của 2 cửa hàng Công ty đã đi vào nề nếp. Các cửa hàng chủ động trong việc giới thiệu, chào bán hàng đến các trường, vì vậy doanh thu vượt mức chỉ tiêu kế hoạch giao

Tồn tại:

- Công tác dự báo trong việc lập kế hoạch tiêu thụ của các Cty Sách - TBTH địa phương chưa sát với nhu cầu thực tế, đây cũng là nguyên nhân số lượng sách hỗ trợ tồn kho nhiều. Số lần điều chỉnh kế hoạch của các Công ty địa phương có giảm so với năm 2008, nhưng tỉ lệ điều chỉnh cao...
- Số lượng phát hành sách hỗ trợ có chiều hướng giảm, đặc biệt là sách hỗ trợ THPT do phần lớn học sinh sử dụng tài liệu của giáo viên hướng dẫn, dẫn đến doanh thu toàn Công ty giảm. Sách tham khảo và sách tự chọn tuy doanh thu có tăng đáng kể, nhưng lợi nhuận mảng này vẫn chưa đủ bù đắp khoản thiếu hụt lợi nhuận.
- Việc đầu tư công sức và tài chính tổ chức các lớp tập huấn tại các địa phương rất lớn, nhưng hiệu quả mang lại chưa tương xứng.
- Công tác thị trường, chăm sóc khách hàng tuy có nhiều cố gắng nhưng chưa thực hiện thường xuyên và kịp thời. Chưa chủ động trong việc mở rộng mạng lưới phát hành.
- Các cửa hàng tuy có nhiều nỗ lực trong công tác phát hành, nhưng chủ yếu phát hành sách giáo khoa, sách hỗ trợ, chưa tập trung đẩy mạnh phát hành sách tham khảo. (doanh thu sách tham khảo chỉ chiếm tỉ lệ 15% doanh thu)

- In :

Ưu điểm:

- Đảm bảo in, nhập kho kịp thời theo yêu cầu của phát hành; Thường xuyên kiểm tra chất lượng từ khâu in cho đến nhập kho nên hạn chế xảy ra sai sót hoặc có sản phẩm kém chất lượng. Nhìn chung chất lượng in có tiến bộ so với năm 2008.
- Cấp phát và quyết toán vật tư đúng qui định của NXBGDVN. Đảm bảo cung ứng vật tư đồng bộ, kịp thời cho công tác in.

Tồn tại :

- Việc cung cấp thông tin phản hồi về tình hình in chưa đầy đủ, ảnh hưởng đến công tác điều hành chung của lãnh đạo Công ty.
- Công tác kiểm tra chất lượng in tuy được thực hiện thường xuyên, nhưng chất lượng in một số sách chưa đạt, đặc biệt là sách in 4 màu.

- Tài chính:

Ưu điểm:

- Đảm bảo đầy đủ, kịp thời mọi chế độ, lương, thưởng trong tháng, quý, năm ...theo qui định.
- Thường xuyên theo dõi, hạch toán và kiểm tra công tác xuất bản, phát hành, in gia công sách.
- Chuẩn bị vốn kịp thời cho yêu cầu sản xuất kinh doanh. Sử dụng vốn hiệu quả và đúng mục đích.
- Hoàn thành công tác kiểm kê cuối năm và kiểm toán nội bộ đúng qui định.
- Hoàn tất việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sàn Giao dịch Hà Nội.

Tồn tại:

- Chưa đảm bảo doanh thu và lợi nhuận theo kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân : do tình hình kinh tế chung của thế giới và cả nước có nhiều biến động lớn, giá vật tư (giấy) tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của công ty. Việc góp vốn đầu tư vào một số dự án bước đầu chưa mang lại hiệu quả tức thời.

3. Kế hoạch phát triển trong năm 2010 :

- Phát hành : 41.550.000 bản.

Trong đó

- + Vở bài tập tiểu học : 25.000.000 bản
- + Sách bổ trợ THCS : 6.800.000 bản
- + Sách bổ trợ THPT : 2.700.000 bản
- + Sách tự chọn : 1.530.000 bản
- + Sách tham khảo : 4.020.000 bản
- + Lịch bloc : 1.500.000 bản

- Tài chính

- + Doanh thu : 196 tỷ đồng
- + Lợi nhuận trước thuế : 27 tỷ đồng
- + Cổ tức : 18%

IV. Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		159.671.131.681	126.691.694.050
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.382.483.922	7.610.010.129
1 Tiền	111	5	7.382.483.922	7.610.010.129
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.191.460.326	28.772.778.653
1 Phải thu khách hàng	131		23.094.578.913	27.922.035.349
2 Trả trước cho người bán	132		958.598.038	504.089.704
3 Các khoản phải thu khác	135	6	138.283.375	346.653.600
IV. Hàng tồn kho	140		121.539.526.027	84.420.562.690
1 Hàng tồn kho	141	7	121.539.526.027	84.566.669.450
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(146.106.760)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.557.661.406	5.888.342.578
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	5.634.170.853	5.041.407.519
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		797.304.491	708.596.857
3 Tài sản ngắn hạn khác	158	9	126.186.062	138.338.202
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		33.380.267.202	32.589.244.154
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		982.615.810	1.248.644.154
1 Tài sản cố định hữu hình	221	10	982.615.810	1.248.644.154
- Nguyên giá	222		2.412.191.502	1.965.339.093
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.429.575.692)	(716.694.939)
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		31.645.600.000	31.340.600.000
1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	30.143.600.000	30.143.600.000
2 Đầu tư dài hạn khác	258	12	1.617.000.000	1.197.000.000
3 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	13	(115.000.000)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		752.051.392	-
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	14	752.051.392	-
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		193.051.398.883	159.280.938.204

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		96.905.004.115	71.354.623.322
I. Nợ ngắn hạn	310		96.855.586.768	71.310.039.320
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	15	29.999.800.000	19.995.444.449
2 Phải trả người bán	312		60.073.967.179	45.387.458.627
3 Người mua trả tiền trước	313		2.770.970.453	745.489.020
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	3.876.119.921	1.751.352.508
5 Phải trả người lao động	315		15.086.300	260.217.318
6 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	119.642.915	3.170.077.398
II. Nợ dài hạn	330		49.417.347	44.584.002
1 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		49.417.347	44.584.002
2 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		96.146.394.768	87.926.314.882
I. Vốn chủ sở hữu	410		93.666.569.789	85.715.361.898
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	80.000.000.000	80.000.000.000
2 Quỹ đầu tư phát triển	417	18	3.481.193.632	1.613.552.772
3 Quỹ dự phòng tài chính	418	18	2.391.102.218	1.613.552.772
4 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	18	1.153.971.218	1.088.744.772
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	6.640.302.721	1.399.511.582
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.479.824.979	2.210.952.984
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2.479.824.979	2.210.952.984
2 Nguồn kinh phí	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		193.051.398.883	159.280.938.204

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	185.762.833.660	186.678.081.951
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	1.883.575.499	1.711.166.567
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	19	183.879.258.161	184.966.915.384
4. Giá vốn hàng bán	11	20	145.643.637.143	138.056.157.143
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC dịch vụ	20		38.235.621.018	46.910.758.241
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	341.807.277	657.167.648
7. Chi phí tài chính	22	22	4.963.323.600	5.597.482.550
- Trong đó: Lãi vay	23		2.617.966.414	4.388.712.050
8. Chi phí bán hàng	24		6.163.660.222	7.027.301.128
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.052.174.368	7.422.607.561
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.398.270.105	27.520.534.650
11. Thu nhập khác	31	23	408.081.792	328.632.574
12. Chi phí khác	32		-	42.676.532
13. Lợi nhuận khác	40		408.081.792	285.956.042
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	24	20.806.351.897	27.806.490.692
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	3.678.754.082	7.910.207.716
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	24	17.127.597.815	19.896.282.976
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.141	2.487

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	192.298.653.108	173.193.456.254
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(176.594.213.529)	(180.336.387.018)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.233.321.251)	(7.601.226.662)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(2.617.966.414)	(4.388.712.050)
5.	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(812.753.503)	(7.353.239.961)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.630.445.172	6.089.810.581
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(13.177.680.209)	(20.403.721.352)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.506.836.626)	(40.800.020.208)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(446.852.409)	(1.108.888.393)
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	54.385.623
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(19.000.000.000)	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	19.000.000.000	45.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(420.000.000)	(1.197.000.000)
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	341.807.277	657.167.648
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(525.045.132)	43.405.664.878
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	74.960.599.759	44.764.188.816
2	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(64.956.244.208)	(24.768.744.367)
3	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.200.000.000)	(19.923.780.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.804.355.551	71.664.449
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(227.526.207)	2.677.309.119
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.610.010.129	4.932.701.010
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.382.483.922	7.610.010.129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ-UB ngày 23/03/2007 của Nhà xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006644 ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 2 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, kinh doanh thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm;
- Thiết kế đồ họa, dịch thuật;
- Sản xuất mua bán: Thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ in ấn: đóng bì, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Thiết kế tạo mẫu;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán), tư vấn du học;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng. Công ty thực hiện khấu hao nhanh, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

Lợi nhuận năm 2009 đã phân phối như sau:

- Lợi nhuận tương ứng với số thuế Thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC được bổ sung quỹ đầu tư phát triển
- Lợi nhuận còn lại trích lập các quỹ theo tỷ lệ sau:
 - Quỹ dự phòng tài chính : 5%
 - Quỹ khen thưởng ban điều hành : 5%
 - Quỹ khen thưởng phúc lợi : 10%
- Công ty cũng đã tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2009 với tỷ lệ 9%/vốn điều lệ

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
 - Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Công ty được giảm 30% thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2009 theo quy định tại Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính.

- Thuế GTGT:
- + Sách giáo khoa, sách tham khảo: thuộc đối tượng không chịu thuế
 - + Lịch: áp dụng thuế suất 10%
 - + Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Tiền

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền mặt	688.796.660	275.523.097
Tiền gửi ngân hàng	6.693.687.262	7.334.487.032
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>7.382.483.922</u>	<u>7.610.010.129</u>

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	58.691.675	326.653.600
Phải thu BHXH	29.591.700	-
Phải thu khác	50.000.000	20.000.000
Cộng	<u>138.283.375</u>	<u>346.653.600</u>

7. Hàng tồn kho

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Nguyên liệu, vật liệu	82.912.208.422	39.967.999.805
Chi phí SX, KD dở dang	13.988.094.135	20.602.315.870
Thành phẩm	24.639.223.470	23.996.353.775
Cộng	<u>121.539.526.027</u>	<u>84.566.669.450</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	5.634.170.853	4.198.129.705
Chi phí chờ phân bổ cho số ần phẩm chưa phát hành	-	843.277.814
Cộng	<u>5.634.170.853</u>	<u>5.041.407.519</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tạm ứng	126.186.062	138.338.202
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Cộng	<u>126.186.062</u>	<u>138.338.202</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.418.848.029	546.491.064	1.965.339.093
Mua sắm trong năm	374.666.667	72.185.742	446.852.409
Tặng khác	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.793.514.696	618.676.806	2.412.191.502
Khấu hao			
Số đầu năm	337.514.653	379.180.286	716.694.939
Khấu hao trong năm	545.829.760	167.050.992	712.880.753
T/lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	883.344.413	546.231.278	1.429.575.692
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.081.333.376	167.310.778	1.248.644.154
Số cuối năm	910.170.283	72.445.528	982.615.810

Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2009 là:
462.879.489 đồng.

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Đầu tư vào Công ty liên kết		
- Công ty CP Thiết bị Giáo dục II (tỷ lệ 37% vốn điều lệ)	30.143.600.000	30.143.600.000
Cộng	30.143.600.000	30.143.600.000

12. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Đầu tư cổ phiếu		
- Công ty Cổ phần Siêu thị Tân An	1.197.000.000	1.197.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ XBGD Gia Định	420.000.000	-
Cộng	1.617.000.000	1.197.000.000

13. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Dự phòng tổn thất đầu tư do Cty Cổ phần Siêu thị Tân An lỗ	115.000.000	-
Cộng	115.000.000	-

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Chi phí bản quyền truyện tranh	535.781.392	
Chi phí tổ chức SGK theo hướng đổi mới	209.950.000	
Cho phí tổ chức bán thảo	6.320.000	
Cộng	752.051.392	-

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vay ngắn hạn	29.999.800.000	19.995.444.449
- NXB Giáo dục	-	19.995.444.449
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC	10.999.800.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Giáo dục	15.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Học Liệu Emco	4.000.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	29.999.800.000	19.995.444.449

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.678.754.082	1.103.785.471
Thuế thu nhập cá nhân	196.744.135	646.945.333
Các loại thuế khác	621.704	621.704
Cộng	3.876.119.921	1.751.352.508

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Kinh phí công đoàn	119.642.915	103.679.771
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	3.066.397.627
Cộng	119.642.915	3.170.077.398

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2008	80.000.000.000	-	-	(26.800.000)	12.374.772.466
Tăng trong năm	-	1.613.552.772	1.613.552.772	1.613.552.772	19.896.282.976
Giảm trong năm	-	-	-	498.008.000	30.871.543.860
Số dư tại 31/12/2008	80.000.000.000	1.613.552.772	1.613.552.772	1.088.744.772	1.399.511.582
Số dư tại 01/01/2009	80.000.000.000	1.613.552.772	1.613.552.772	1.088.744.772	1.399.511.582
Tăng trong năm	-	1.867.640.860	777.549.446	777.549.446	17.127.597.815
Giảm trong năm	-	-	-	712.323.000	11.886.806.676
Số dư tại 31/12/2009	80.000.000.000	3.481.193.632	2.391.102.218	1.153.971.218	6.640.302.721

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục	32.000.000.000	32.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	48.000.000.000	48.000.000.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	80.000.000.000	80.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 ngày 16/04/2009 đã quyết định chia cổ tức năm 2008 với tỷ lệ 18%

Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2009 là 9%/vốn điều lệ tương ứng số tiền 7.200.000.000.000đồng.

Sau ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty đã thông báo chi trả cổ tức đợt 2 năm 2009 với tỷ lệ 8%/vốn điều lệ. Ngày 11/02/2010 là ngày chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức, thời gian thực hiện là ngày 08/3/2010.

e. Cổ phiếu

	31/12/2009	31/12/2008
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành		
- Cổ phiếu thường	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu thường	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

f. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1.399.511.582	12.374.772.466
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	17.127.597.815	19.896.282.976
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	11.886.806.676	30.871.543.860
Phân phối các quỹ	3.110.197.784	8.067.763.860
- Quỹ đầu tư phát triển	-	1.613.552.772
- Quỹ dự phòng tài chính	777.549.446	1.613.552.772
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	777.549.446	1.613.552.772
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.555.098.892	3.227.105.544
Thuế TNDN được giảm tăng Quỹ đầu tư phát triển	1.576.608.892	-
Chi trả cổ tức	7.200.000.000	22.803.780.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.640.302.721	1.399.511.582

19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Tổng doanh thu	185.762.833.660	186.678.081.951
+ Doanh thu bán hàng	185.762.833.660	186.678.081.951
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.883.575.499	1.711.166.567
+ Hàng bán bị trả lại	1.883.575.499	1.711.166.567
Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ	183.879.258.161	184.966.915.384

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Giá vốn hàng hóa	145.643.637.143	138.056.157.143
Cộng	145.643.637.143	138.056.157.143

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	341.807.277	657.167.648
Cộng	341.807.277	657.167.648

22. Chi phí hoạt động tài chính

Error! Not a valid link.

23. Thu nhập khác

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Thu nhập từ bán thanh lý, chuyển nhượng tài sản	-	54.385.623
Thu từ nhập vật tư thừa từ cắt rọc	320.718.156	-
Thu tài trợ làm từ điển, huấn luyện giáo viên, thi Olympic,...	79.863.636	268.326.890
Thu khác	7.500.000	5.920.061
Cộng	408.081.792	328.632.574

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.806.351.897	27.806.490.692
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	215.100.000	444.251.157
<i>Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)</i>	<i>215.100.000</i>	<i>444.251.157</i>
<i>Điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	21.021.451.897	28.250.741.849
Thuế suất	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	5.255.362.974	7.910.207.716
Thuế TNDN được giảm theo TT03/2009/TT-BTC	1.576.608.892	-
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.678.754.082	7.910.207.716
Lợi nhuận sau thuế TNDN	17.127.597.815	19.896.282.976

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.127.597.815	19.896.282.976
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
+ LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	17.127.597.815	19.896.282.976
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.141	2.487

26. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan

Nhà Xuất bản Giáo dục VN
 Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội
 Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng
 Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp HCM
 Chi nhánh Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Cần Thơ
 Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà nội
 Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng
 Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM
 Công ty cổ phần Học Liệu
 Công ty cổ phần Học Liệu Giáo dục Hà Nội
 Công ty CP sách TB TH Tp HCM
 Công ty CP sách TBGD Bình Dương
 Công ty CP sách TBTH Bình Thuận
 Công ty CP sách TBTH Bình Định
 Công ty CP ĐT&PTGD tại Hà Nội
 Công ty CP ĐT&PTGD tại Đà Nẵng
 Công ty CP Mĩ thuật Sao Mai
 Công ty CP CNTT Trí Đức
 Công ty CP Mĩ thuật Truyền thông
 Công ty CP DVXB Giáo dục Gia Định
 Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2
 Công ty CP in SGK tại Tp Hồ Chí Minh
 Công ty CP Đầu tư tài chính Giáo dục

Mối quan hệ

Công ty đầu tư
 Công ty đầu tư
 Công ty đầu tư
 Công ty đầu tư
 Công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư
 Chung công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Bán hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục VN	Cung ứng lịch bloc	310.580.000
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp HCM	Cung ứng lịch bloc, sách bổ trợ	451.898.649
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Cung ứng SBT, TK, lịch bloc	1.812.929.003
Công ty cổ phần Học Liệu	Cung ứng SBT, TK, lịch bloc	1.878.557.897
Công ty CP sách TB TH Tp HCM	Cung ứng SBT, TK, lịch bloc	18.922.069.498
Công ty CP sách TBGD Bình Dương	Cung ứng SBT, TK, lịch bloc	4.845.892.078
Công ty CP sách TBTH Bình Thuận	Cung ứng SBT, TK, lịch bloc	4.471.059.189
Công ty CP ĐT&PTGD tại Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo, lịch bloc	372.107.049
Công ty CP ĐT&PTGD tại Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo, lịch bloc	997.932.927
Công ty CP Mĩ thuật Sao Mai	Cung ứng SBT, TK, lịch bloc	379.952.848
Mua hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục VN	Mua tem chống giả, vật tư	2.501.371.247
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp HCM	Mua sách giáo khoa	2.492.362.359
Chi nhánh Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Cần Thơ	Mua sách giáo khoa	8.672.491.971
Công ty CP ĐT&PTGD tại Hà Nội	Mua sách tham khảo	2.238.566.922
Công ty CP ĐT&PTGD tại Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	1.784.287.299
Công ty CP in SGK tại Tp Hồ Chí Minh	Thanh toán công in	3.340.299.050
Vay ngắn hạn		
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	Vay vốn	15.000.000.000
Công ty CP Học liệu	Vay vốn	4.000.000.000

c. Vào ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu VND	Phải trả VND
Nhà Xuất bản Giáo dục VN	Phải trả người bán		8.219.972.495
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà nội	Phải trả người bán		2.783.745.590
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả người bán		100.054.450
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Tp HCM	Phải trả người bán		1.389.768.512
Công ty Bản đồ tranh ảnh Giáo khoa	Phải trả người bán		2.720.000
Chi nhánh NXBGD tại TP Cần Thơ	Phải trả người bán		192.155.360
	Phải thu khách hàng	305.436.457	
Công ty CP SGD tại Hà nội	hàng		
Công ty CP SGD tại Đà Nẵng			
Công ty CP Sách Giáo dục TP.HCM	Phải thu khách hàng	876.930.200	
	Phải thu khách hàng	555.895.481	
Công ty cổ phần Học Liệu	Phải thu khách hàng	391.579.616	
Công ty CP sách TB TH Tp HCM	Phải thu khách hàng	226.370.101	
Công ty CP S-TBGD Bình Dương	Phải thu khách hàng	53.041.660	
Công ty CP sách TBTH Bình Thuận	Phải thu khách hàng	16.065.000	
Công ty CP sách TBTH Bình Định	Phải trả người bán		1.221.858.065
Công ty CP ĐT&PTGD tại Hà Nội	Phải trả người bán		326.077.223
Công ty CP ĐT&PTGD tại Đà Nẵng	Phải trả người bán		24.852.820
Công ty CP sách dân tộc	Phải trả người bán		
	Phải thu khách hàng	299.024.831	
Công ty CP Mĩ thuật Sao Mai	Phải thu khách hàng	33.222.400	
Công ty CP Học Liệu Giáo dục HN	Phải thu khách hàng	650.941.184	
Công ty CP CNTT Trí Đức	Phải trả người bán		-1.597.000
Tạp Chí toán tuổi thơ	Phải thu khách hàng	201.154.000	
Công ty CP Mĩ thuật Truyền thông	Phải trả người bán		11.396.403
Công ty CP DVXB GD Gia Định	Phải thu khách hàng	87.261.041	
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Phải trả người bán		21.505.580
Công ty CP in SGK tại Tp HCM	Phải trả người bán		181.250.000
Công ty CP Đầu tư tài chính Gdục	Phải trả người bán		

d. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

e. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày

31/12/2008 đã được kiểm toán bởi AAC.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập :

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Trụ sở chính : 217 Nguyễn Văn Linh, TP Đà Nẵng

Điện thoại : 0511 3 655 886 fax : 0511 3 655 887

- Ý kiến kiểm toán độc lập :

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

2. Kiểm toán nội bộ : không

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của công ty : không

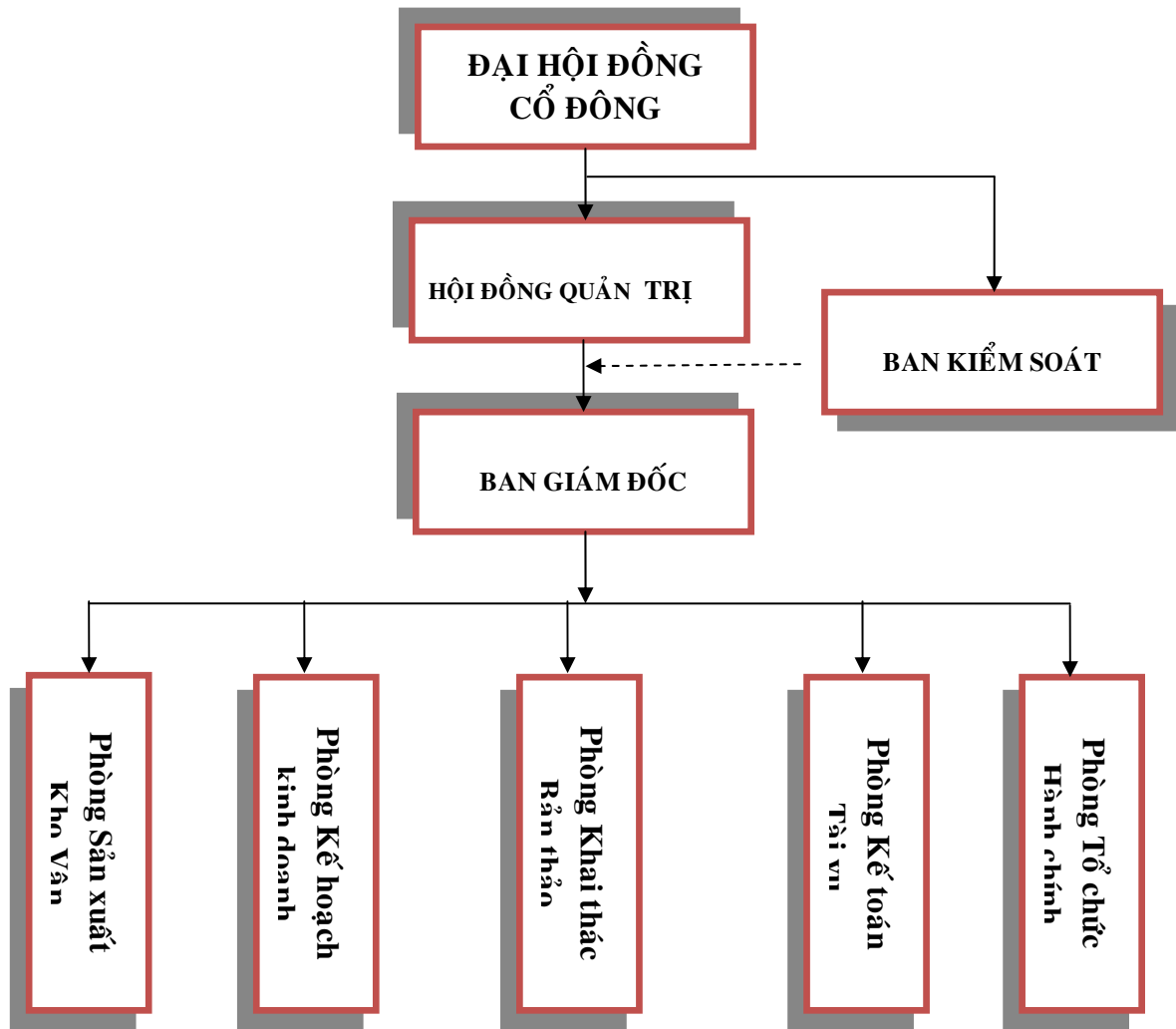
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do công ty nắm giữ : không

- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan : năm 2009 Công ty đã đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Gia Định với số vốn là 420.000.000 đồng

- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan : Nhìn chung tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Gia Định khá tốt : Lợi nhuận trước thuế đạt 1,6 tỷ đồng.

VII. Tổ chức và nhân sự

- Cơ cấu tổ chức của công ty :



- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

1. Giám đốc: XÀ THIỆU HOÀNG

Ngày tháng năm sinh: 16/12/1954

Nơi sinh: Bình Giang – Tây Sơn – Bình Định

Địa chỉ thường trú: 133/27G Ngô Đức Kế, F12 Quận Bình Thạnh

Trình độ chuyên môn: Đại học

Quá trình công tác:

Từ 1980-1989 : Phó hiệu trưởng Trường Sư Phạm cấp 2 Gia Lai

Từ 1990-6/2004 : Giám đốc Công ty Sách & TBTH Gia Lai

Từ 7/2004 – 05/2007 : Phó Giám Đốc NXBGD tại TP.HCM

Từ 05/2007 đến nay : Giám Đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam,

Chức vụ công tác tại tổ chức khác : Ủy viên HĐQT Công ty Sách – TBTH TP.HCM, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần TBGD II.

2. Phó Giám đốc : ĐẶNG THỰC TRINH

Ngày tháng năm sinh: 26/07/1953

Nơi sinh: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: E8 Điện Biên Phủ - P25 – Q.Bình Thạnh

Trình độ chuyên môn: Đại học Xuất bản

Quá trình công tác :

Từ 1975-2006 : Cán bộ thành Đoàn – Nguyên Phó Giám đốc NXB Trẻ. Nghỉ hưu từ tháng 10/2006

Từ tháng 5/2007 đến nay : Phó Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam

3. Phó Giám đốc TRẦN THỊ KIM NHUNG

Ngày tháng năm sinh: 05/07/1961

Nơi sinh: Sài Gòn

Địa chỉ thường trú: 436A86 Đường 3/2, F12, Q10, TP.HCM

Số điện thoại liên lạc: 0913606650

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tiến Sĩ

Quá trình công tác :

Từ 1988-5/2007 : Biên tập viên, Trưởng ban Biên tập Khoa học xã hội NXB Giáo dục tại TP.HCM

Từ 5/2007 đến nay: Công tác tại Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm : không

- Quyền lợi của Ban Giám đốc:

Mức lương của Ban Giám đốc như sau :

+ Giám đốc : 12.500.000 đ/tháng

+ Phó Giám đốc : 10.700.000 đ/tháng

+ Kế toán trưởng : 10.400.000 đ/tháng

Ngoài mức lương trên còn được hưởng các quyền lợi khác như tiền lễ tết, thi đua, năng suất... theo Quy chế trả lương và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động :

Số lượng CBCNV tính đến ngày 31/12/2009 là 80 người.

Trên Đại học : 5

Đại học-CD : 52

Trung cấp : 17

Sơ cấp : 6

Chính sách đối với người lao động :

+ Đảm bảo thực hiện việc ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn và các quyền lợi của người lao động theo đúng luật.

+ Thực hiện đúng các Quy chế trả lương, thưởng và Thỏa ước lao động tập thể đã kí. Đảm bảo thu nhập cho CBCNV, làm động lực để CBCNV tăng năng suất và hiệu quả công việc.

+ Chú trọng đến việc đào tạo nhân viên. Ban Giám đốc luôn khuyến khích nhân viên đăng ký nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo phục vụ công việc ngày càng tốt hơn.

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng : không

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị /Chủ tịch và Ban kiểm soát :

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát :

- Hội đồng quản trị : số lượng thành viên HĐQT Công ty hiện nay là 5 người, trong đó số thành viên độc lập không điều hành là 3 thành viên.

- Ban kiểm soát : Thành viên Ban kiểm soát là 3 người, trong đó không có thành viên nào kiêm nhiệm chức vụ điều hành Công ty.

1.2. Hoạt động của HĐQT :

Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quy chế họp định kỳ hàng quý để thảo luận và triển khai các kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đã giao cho, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn đúng theo Điều lệ và quy định của Pháp luật như :

- Ban hành các quyết định về chủ trương định hướng, chính sách của HĐQT để chỉ đạo trong công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đã tổ chức việc niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch. Chỉ đạo việc hoạt động về thương hiệu ngày càng mang tính chuyên nghiệp hơn.

1.3. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành :

- Chủ tịch HĐQT :

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT.
- Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp HĐQT. Triệu tập và chủ trì cuộc họp HĐQT.
- Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo công tác : Công tác tổ chức cán bộ, lao động tiền lương; hợp tác quốc tế.

- Ủy viên HĐQT : Tham mưu cho HĐQT về các lĩnh vực :

- Công tác in – phát hành sách brochure và các loại xuất bản phẩm.
- Chính sách đầu tư tài chính, sử dụng nguồn vốn đầu tư trong các lĩnh vực thích hợp có khả năng sinh lời cao, nâng cao tầm hoạt động và chiến lược cho Công ty.

1.4. Hoạt động của Ban kiểm soát :

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để theo dõi và giám sát hoạt động của HĐQT.

- Giám sát tình hình hoạt động của Công ty để đảm bảo công tác hạch toán kế toán đúng quy định và thực hiện đúng chính sách với người lao động.

- Thẩm tra báo cáo tài chính năm của Công ty trước khi trình Đại hội cổ đông thường niên thông qua.

1.5. Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát :

- Thù lao của Hội đồng quản trị : 252.000.000 đồng

- Thù lao của Ban kiểm soát : 18.200.000 đồng

Cộng : 270.200.000 đồng

1.6. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT :

Thành viên	Thời điểm 01/01/2009		Thời điểm 31/12/2009		Thay đổi
	SLCP	%/VĐL	SLCP	%/VĐL	
Vũ Bá Hòa	50.000	0,6%	50.000	0,6%	0%
Xà Thiệu Hoàng	30.000	0,4%	30.000	0,4%	0%
Nguyễn Minh Khang	5.000	0,06%	5.000	0,06%	0%
Trần Đức Thịnh	15.000	0,2%	15.000	0,2%	0%
Lê Phương Mai	25.000	0,3%	25.000	0,3%	0%

1.7. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Thành viên	Thời điểm 01/01/2009		Thời điểm 31/12/2009		Thay đổi
	SLCP	%/VĐL	SLCP	%/VĐL	
Đặng Thục Trinh	35.000	0,4%	35.000	0,4%	0%
Trần Kim Nhung	30.000	0,4%	30.000	0,4%	0%
Đặng Thanh Trúc	10.000	0,1%	10.000	0,1%	0%
Nguyễn Thị Chanh	9.700	0,1%	9.700	0,1%	0%
Lê Xuân Huy	7.200	0,09%	7.200	0,09%	0%
Vũ Bá Tuấn	5.000	0,06%	5.000	0,06%	0%
Nguyễn Thị Chung	10.500	0,1%	10.500	0,1%	0%
Nguyễn Minh Trang	7.000	0,09%	7.000	0,09%	0%
Nguyễn Văn Trọng	15.000	0,2%	15.000	0,2%	0%
Trần Bảo Ngọc	18.600	0,2%	18.600	0,2%	0%
Văn Thị Ái Nữ	30.000	0,4%	30.000	0,4%	0%

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước :

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Đại diện phần vốn nhà nước : ông Vũ Bá Hòa

Địa chỉ : 81 Trần Hưng Đạo, Q Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số ĐKKD : 0106000128 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/01/2004, chứng nhận thay đổi lần ba ngày 06/05/2009.

Số cổ phần nắm giữ : 3.200.000 cổ phần

Tỷ lệ/vốn điều lệ : 40%

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên; Địa chỉ liên lạc; Ngành nghề kinh doanh; số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty : không

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập : danh sách cổ đông sáng lập Công ty gồm 3 tổ chức và 48 cá nhân, nắm giữ 4.250.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 53,14% vốn điều lệ Công ty.

- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập :

STT	Tên cổ đông sáng lập	Năm sinh	Nghề nghiệp / Ngành nghề	Địa chỉ liên lạc	Số cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1.	Nhà xuất bản Giáo dục - Bộ Giáo dục và Đào tạo		Xuất bản	81 Trần Hưng Đạo, Hà Nội	3.200.000	40,00%
2.	Cty Cp Đồng Nai		Sản xuất, kinh doanh giấy	KCN Biên Hòa 1, đường số 2, Biên Hòa, Đồng Nai	243.000	3,04%
3.	Cty Cp Tập Đoàn Tân Mai		Sản xuất, kinh doanh giấy	Phường Thống Nhất, TP Biên Hòa, Đồng Nai	185.000	2,31%
4.	Vũ Bá Hòa	1952	CBCNV	45 Tôn Thất Đạm, Quận 1	50.000	0,63%
5.	Đặng Thục Trinh	1953	CBCNV	E8 Điện Biên Phủ, F25, Bình Thạnh, HCM	35.000	0,44%
6.	Trần Thị Kim Nhung	1960	CBCNV	436A86 Đường 3/2, F12, Q10, TP.HCM	30.000	0,38%
7.	Xà Thiệu Hoàng	1954	CBCNV	133/27Ngô Đức Kế, Bình Thạnh	30.000	0,38%
8.	Lê Phương Mai	1975	CBCNV	232/1 Cộng Hòa, Tân Bình	25.000	0,31%
9.	Đỗ Trung Thường	1950	CBCNV	151 Hai Bà Trưng, Quận 1, TPHCM	40.000	0,50%
10.	Bùi Tất Tươi	1950	CBCNV	8/5 Nguyễn Trãi, Quận 5	20.000	0,25%
11.	Hoàng Minh Tâm	1956	CBCNV	355/32 Nguyễn Trọng Tuyển, Tân Bình	25.000	0,31%
12.	Phạm Thị Cúc	1962	CBCNV	25/9 KP2, Tân Quý, Q7	20.500	0,26%

13.	Doãn Minh Tâm	1946	CBCNV	231 Nguyễn Văn Cừ, Q5	18.200	0,23%
14.	Ngô Văn Vương	1950	CBCNV	231 Nguyễn Văn Cừ, Q5	16.400	0,21%
15.	Nguyễn Đức Thịnh	1971	CBCNV	27/10 Hậu Giang, P4, Tân Bình, HCM	17.500	0,22%
16.	Trần Đức Thịnh	1962	CBCNV	2 KP2 An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai	15.000	0,19%
17.	Huỳnh Thị Thanh Trà	1959	CBCNV	231 Nguyễn Văn Cừ, Q5	14.200	0,18%
18.	Bùi Thị Lan Hương	1959	CBCNV	2A Đinh Tiên Hoàng, Q1, TP.HCM	13.500	0,17%
19.	Lê Văn Trí	1963	CBCNV	1/92 KP1, Tầng Nhon Phú, Q9	23.300	0,29%
20.	Nguyễn Anh Tuấn	1960	CBCNV	231 Nguyễn Văn Cừ, Q5	13.500	0,17%
21.	Nguyễn Xuân Thắng	1968	CBCNV	33/15C Nguyễn Thái Sơn, P3, Gò Vấp, HCM	18.500	0,23%
22.	Bùi Thu Giang	1968	CBCNV	319/C4 Nơ Trang Long, P13, Bình Thạnh, TP.HCM	12.200	0,15%
23.	Vũ Thị Hải	1975	CBCNV	129 Đường 138 Cây dâu- Tân Phú, Q9, TPHCM	12.200	0,15%
24.	Nguyễn Đăng Trí Tín	1962	CBCNV	108/14/9 đường 3/2, Quận 10, TPHCM	11.300	0,14%
25.	Trịnh Xuân Viện	1954	CBCNV	161 Võ Văn Tần, Quận 3	11.200	0,14%
26.	Đặng Thanh Trúc	1972	CBCNV	214 Nguyễn Phúc Nguyên, Q3	10.000	0,13%
27.	Nguyễn Thị Chanh	1905	CBCNV	231 Nguyễn Văn Cừ	9.700	0,12%
28.	Mai Ngọc Liên	1958	CBCNV	22/16 cư xá Lữ Gia, Q11	9.200	0,12%
29.	Huỳnh Kim Ngân	1969	CBCNV	231 Nguyễn Văn Cừ, Q5	8.500	0,11%
30.	Trần Thị Thu Tuyết	1979	CBCNV	79/5F45 Xô viết nghệ tĩnh, P26, Bình Thạnh, HCM	7.300	0,09%
31.	Lê Xuân Huy	1978	CBCNV	96 Đường 11 Ấp2, bình Chánh, HCM	7.200	0,09%
32.	Ngô Trần Nha Thy	1977	CBCNV	595/25F CMT8, P15, Q10, TP.HCM	7.200	0,09%
33.	Phan Thanh Vân	1954	CBCNV	138Bis Lê Lai, P.Bến Thành, Q1, TP.HCM	7.000	0,09%
34.	Phạm Thế Nước	1964	CBCNV	2/90A KP2, P Tầng Nhơn, Q9, TP.HCM	6.500	0,08%
35.	Bùi Xuân Dương	1980	CBCNV	231 Nguyễn Văn Cừ, Q5	6.000	0,08%
36.	Vũ Nguyên Chấn	1975	CBCNV	103E/8 Lê Văn Thọ, Gò Vấp	6.000	0,08%
37.	Nguyễn Phương Vinh	1978	CBCNV	565 Phan Văn Trị, P7, Q5, TP.HCM	5.300	0,07%
38.	Trương Thị Mỹ Ngọc	1959	CBCNV	4C tổ 6-KP5 P.Tầng nhơn, Q9, HCM	5.200	0,07%
39.	Hoàng Thọ Cường	1981	CBCNV	40F3 Vườn Chuối, Q3	8.000	0,10%
40.	Nguyễn Minh Hiếu	1979	CBCNV	83 Bùi Đ Túy P12, Bình Thạnh, TP.HCM	5.000	0,06%
41.	Nguyễn Minh Khang	1948	CBCNV	404/3 Nguyễn Đình Chiểu, Q3	5.000	0,06%

42.	Thái Hữu Dương	1976	CBCNV	231 Nguyễn Văn Cừ, Q5	5.000	0,06%
43.	Phạm Lan Anh	1980	CBCNV	231 Nguyễn Văn Cừ	14.000	0,18%
44.	Trần Thị Thanh Huyền	1952	CBCNV	131/4 Thiên Phước, Tân Bình	3.800	0,05%
45.	Phạm Hoài Tín	1978	CBCNV	231 Nguyễn Văn Cừ, Q5	3.000	0,04%
46.	Lê Hồng Hoa	1982	CBCNV	257BL1 Nguyễn Biều, F205, TP.HCM	2.600	0,03%
47.	Nguyễn Thị Kim Thắm	1979	CBCNV	36/22/9 Huỳnh Thiện Lộc, P.Hòa Thạnh, T.Phú, TP.HCM	2.600	0,03%
48.	Trần Nguyễn Anh Tú	1975	CBCNV	681/20 Nguyễn Trãi, P11, Q5, TP.HCM	2.200	0,03%
49.	Phạm Hồng Hoa	1977	CBCNV	129/89 Trần Bình Trọng, HCM	1.500	0,02%
50.	Lê Chí Lăng	1978	CBCNV	Ấp phú trung, An phú, Củ chi, TP.HCM	1.400	0,02%
51.	Nguyễn Xuân Khả	1963	CBCNV	20/43 Khu phố 2 P.Hiệp Phú, Q9, TP.HCm	1.200	0,02%

Tính đến thời điểm 31/12/2009, tất cả cổ đông sáng lập vẫn giữ nguyên số cổ phần đang nắm giữ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2010



GIÁM ĐỐC

Xã Thiệu Hoàng